TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phĐài Loan

Bản án số: 446/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18/08/2025
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Duy Bảo
Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 299/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 431/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã H, huyện H (Nay là xã H), tỉnh Nghệ An.

Hiện cư trú tại: Tầng 3, số 68, đường Cửu Tử, quận Lô Châu, thành phố Tân Bắc, Đài Loan. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Khương Văn T1, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm 4, xã H, huyện H (Nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: Đài Loan. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Loan, trú tại xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn (Nay là xã Kim Liên), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Khương Văn T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào ngày 20/7/2012 tại UBND xã X, huyện N (Nay là xã K), tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống với nhau một thời gian. Từ năm 2018 anh Khương Văn T1 đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài. Sau một thời gian thì hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, vợ

chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Chị T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể nào kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Khương Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Khương Trần Nhật C, sinh ngày: 21/05/2013. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Do vợ chồng chị T đang làm việc ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc hai cháu được. Tuy nhiên, hiện nay do chị T đang làm việc tại nước ngoài và cháu Nhật Chi đang ở với bà ngoại nên đề nghị tạm giao con chung Khương Trần Nhật C cho bà ngoại là Phạm Thị Loan trú tại xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn (Nay là xã Kim Liên), tỉnh Nghệ An trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi chị T về Việt Nam. Giữa chị T và bà Loan sẽ tự thỏa thuận với nhau về chi phí chăm sóc con cho chị T. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Khương Văn T1 hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài (Đài Loan)

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 và xác minh địa chỉ qua thân nhân của anh Khương Văn T1 là ông Khương Văn Q(là bố đẻ của anh T1). Đến nay, anh Khương Văn T1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại đơn trình bày ý kiến của ông Khương Văn Q(bố đẻ anh T1) trình bày: anh Khương Văn T1 đang làm việc tại nước ngoài, có liên lạc với gia đình bằng điện thoại, nhưng do cư trú không ổn định nên anh T1 không thể cung cấp địa chỉ cụ thể của mình ở nước ngoài nên ông Q không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Ông Q đã thông tin cho anh T1 biết chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng do khoảng cách địa lý anh T1 không thể về Việt Nam giải quyết việc gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Loan (mẹ đẻ của chị T) trình bày: Hiện nay bà Loan biết được chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Khương Văn T1. Từ khi chị T và anh T1 đi nước ngoài bà Loan là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khương Trần Nhật C. Tuy nhiên bà không yêu cầu chị T và anh T1 phải thanh toán tiền công sức nuôi dưỡng cháu từ đó đến nay. Trường hợp chị T, anh T1 ly hôn bà đồng ý nuôi cháu C trong thời gian chị T, anh T1 đang ở nước ngoài và không yêu cầu tiền công sức nuôi dưỡng cháu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn ở nước ngoài

thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Khương Văn T1. Về con chung: Giao 01 (một) con chung là Khương Trần Nhật C, sinh ngày 21/05/2013 cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao con chung Khương Trần Nhật C cho bà Phạm Thị Loan trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi chị Trần Thị T về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự nếu sau này đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn Tòa án phải tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã H, huyện H (Nay là xã H), tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: Tầng 3, số 68, đường Cửu Tử, quận Lô Châu, thành phố Tân Bắc, Đài Loan làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Khương Văn T1 hiện cư trú ở nước ngoài; trước khi xuất cảnh, anh Khương Văn T1 có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Xóm 4, xã H, huyện H (Nay là xã H), tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, bản tự khai, tài liệu cho Tòa án nhưng do bận công việc nên chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tài liệu và chứng cứ mà chị đã nộp cho Tòa án. Bị đơn anh Khương Văn T1 hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 thông qua người thân là ông Khương Văn Q(bố đẻ của anh T1) gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Khương Văn T1; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời, yêu cầu anh T1 trình bày ý kiến về việc chị T có đơn ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T1 cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài cho Tòa án biết.

Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 31/7/2025 và lần thứ hai vào ngày 18/8/2025 nhưng cả hai lần anh T1 đều

vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc anh Khương Văn T1 vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Điều 10 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Khương Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì đã phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T trình bày vợ chồng do bất đồng quan điểm sống. Theo Công văn số 2786/QLXNC- Đ1 ngày 05/7/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Nghệ An cung cấp: Anh Khương Văn T1 đã xuất cảnh ngày 15/10/2018 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Khương Văn T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 (một) con chung là Khương Trần Nhật C, sinh ngày: 21/05/2013. Hiện nay con chung đang được bà Phạm Thị Loan chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng Tòa án giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành.

Xét thấy hiện nay anh T1 đang sống và làm việc tại nước ngoài, nguyên đơn và thân nhân của anh T1 cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên Tòa án không lấy ý kiến của anh T1 được. Chị T mặc dù làm việc ở nước ngoài có nguyện vọng chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Khương Trần Nhật C có nguyện vọng sống cùng với mẹ là Trần Thị T.

Xét thấy, nguyện vọng của chị T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Khương Trần Nhật C cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại điều 69, điều 71, khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên do chị T đang ở nước ngoài bà Phạm Thị Loan (mẹ đẻ của chị T) hiện đang trong nom, chăm sóc cháu Nhật Chi có ý kiến đồng ý trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị T, anh T1 cho đến khi chị T, anh T1 về Việt Nam nên cần tạm giao 01 (một) con chung là Khương Trần Nhật C cho bà Phạm

Thị Loan trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi chị Trần Thị T về Việt Nam;

Về cấp dưỡng nuôi con, chi phí chăm sóc cháu do chị T và bà Loan chưa yêu cầu, anh T1 chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T, anh Khương Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 40, điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, điều 69, điều 71, khoản 2, Điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Khương Văn T1.

- Về con chung:

Giao 01 (một) con chung là Khương Trần Nhật C, sinh ngày 21/05/2013 cho chị Trần Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Tạm giao cháu Khương Trần Nhật C, sinh ngày 21/05/2013 cho bà Phạm Thị Loan trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi chị Trần Thị T về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chi phí chăm sóc cháu của chị Trần Thị T, bà Phạm Thị Loan chưa yêu cầu, anh Khương Văn T1 chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án

giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng số tiền tạm ứng chị Trần Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007703 ngày 17/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 1 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã K, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thanh Hương